

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Số: 187/2019/DS-PT
Ngày 05 - 11 - 2019
V/v Yêu cầu tuyên bố văn
bản công chứng vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng, ông Trần Anh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông
Ngụ Văn Minh, chức vụ: Kiểm sát Viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét
xử P thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2019/TLPT-DS, ngày 27/8/2019
về việc “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS-ST ngày 19/7/2019 của Tòa án
nhân dân thị xã Buôn Hồ bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 213/2019/QĐ-PT ngày
25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 15/10/2019, giữa các
đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị P. Trú tại: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh
Đắk Lắk. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Văn phòng B. Địa chỉ: Số 07A L, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk
Lắk. Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Sỹ H; Chức vụ: Trưởng văn phòng.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Y, bà H; Cùng trú tại: Buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.
2. Ông Lê Văn H1, bà Đinh Thị T; Cùng trú tại: Thôn 12, xã P, huyện K,
tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.
3. Ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị H2; Cùng trú tại: Thôn 9, xã P, huyện K,
tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- ***Người phiên dịch:*** Ông Y T1; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình

bày: Vào ngày 02/05/2018 tôi có cho vợ chồng ông Y và bà H vay số tiền là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) hai bên có lập hợp đồng vay tiền được phòng công chứng số 3 công chứng số 3328, quyền số 02/2018 TP/CC-SCC. Đến ngày 24/5/2018 vợ chồng ông Y và bà H vay thêm số tiền là 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng 02 lần vay là 635.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng). Ông Y và bà H có giao cho tôi giữ toàn bộ giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (đều là bản gốc) và hứa dùng số tiền vay của tôi trả nợ xong ngân hàng sẽ chuyển nhượng 02 lô đất cho tôi.

Nhưng từ khi vay đến hạn trả nợ bên vay không trả tiền cho tôi. Đến ngày 24/7/2018 vợ chồng ông Y và bà H cố tình bán tài sản là 02 lô đất trên cho vợ chồng ông Lê Văn H1 và bà Đinh Thị T. Mặc dù bản chính giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của vợ chồng ông Y và bà H tôi đang giữ nhưng công chứng viên Cao Sỹ H Văn phòng B vẫn chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng. Điều này là vi phạm pháp luật được quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật công chứng và đã tạo điều kiện cho ông Y và bà H tẩu tán tài sản và gây thiệt hại rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi. Do vậy tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy văn bản Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Y, bà H với vợ chồng ông Lê Văn H1, bà Đinh Thị T được ký kết vào ngày 24/7/2018.

- Bị đơn Văn phòng B - Người đại diện theo pháp luật của ông Cao Sỹ H trình bày:

Vợ chồng ông Y Niê và bà H Niê có 02 lô đất tại xã Cư Pong, huyện Krông Búk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 499761 và số BT 092840 với tổng diện tích là 48.940,4 m². Hai tài sản này đã thế chấp tại Ngân hàng Quân đội - Buôn Hồ vào ngày 20/4/2017 (do Văn phòng công chứng số 3 – tỉnh Đắk Lắk công chứng).

Ngày 18/6/2018 ông Y và bà H cùng vợ chồng ông Lê Văn H1 và bà Đinh Thị T đến Văn phòng B yêu cầu làm hợp đồng vay tiền không thế chấp số tiền 03 (ba) tỷ đồng để trả nợ Ngân hàng lấy bìa gốc ra và làm tiếp Hợp đồng vay tiền có thế chấp 03 (ba) tỷ đồng. Công chứng viên Cao Sỹ H nói rõ: “Nếu các bên tin tưởng nhau thì có thể cùng đến Ngân hàng trả nợ và lấy bìa về công chứng Hợp đồng vay tiền có thế chấp giúp giảm bớt khó khăn cho ông Y và bà H (không phải nộp phí 02 lần).

Đến chiều cùng ngày 18/6/2018 hai bên đến Văn phòng B thực hiện ký kết và công chứng Hợp đồng vay tiền có thế chấp 03 tỷ đồng, sau đó đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K đăng ký theo luật định.

Ngày 24/7/2018 cả hai bên đến yêu cầu Hủy hợp đồng vay; đồng thời ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 lô đất nêu trên và đã

được Văn phòng B thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Văn phòng B khẳng định: Văn bản công chứng số 007750 ngày 24/7/2018 Văn phòng B đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục theo luật định, cụ thể là:

Thứ nhất, các bên tham gia giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có đầy đủ giấy tờ tùy thân chứng minh là công dân Việt Nam, sự có mặt của các bên để thực hiện giao kết hợp đồng và không thuộc đối tượng bị pháp luật cấm chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Thứ hai, Về điều kiện thực hiện các quyền của người sử dụng đất đều được đảm bảo các quy định là Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng luật định, đất không có tranh chấp (đến thời điểm công chứng, Văn phòng B không nhận được bất kỳ văn bản nào của các cơ quan có thẩm quyền về việc giải quyết tranh chấp đất đai; cũng như văn bản quy phạm pháp luật nào hạn chế hoặc ngăn chặn quyền được chuyển nhượng của người sử dụng đất, quyền sử dụng đất không bị kê biên để đảm bảo thi hành án, còn trong thời hạn sử dụng đất.

Ngoài ra các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Hợp đồng. Việc giao kết hợp đồng là có thật, chữ ký trong Hợp đồng là đúng chữ ký của các bên và các bên đã đọc, đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Văn H1 trình bày: Vào ngày 18/6/2018 vợ chồng ông Y, bà H có vay của vợ chồng tôi số tiền 3.000.000.000đồng. Khi vay hai bên có lập hợp đồng vay tiền có thể chấp tại Văn phòng B, tài sản thế chấp là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 52, diện tích 41.335,2m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 499761 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 22/5/2014 và thửa đất số 52, tờ bản đồ số 52, diện tích 7.605,1m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT092840 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2015. Việc thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K. Hẹn trả nợ trong vòng 20 ngày. Tuy nhiên đến hạn vợ chồng ông Y, bà H không trả được nợ cho vợ chồng tôi nên vợ chồng ông Y, bà H đồng ý chuyển nhượng 02 thửa đất trên để cầm trừ nợ. Ngày 24/7/2018 hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên tại Văn phòng B và vợ chồng tôi đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận sang tên vợ chồng tôi. Nay bà P khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng tôi và vợ chồng ông Y, bà H, vợ chồng tôi không đồng ý vì việc chuyển nhượng giữa chúng tôi là hoàn toàn hợp pháp; việc bà P khởi kiện là hoàn toàn vô lý, vì bà P không có thiệt hại gì, tiền vợ chồng bà H nợ bà P vợ chồng ông H1 đã trả cho bà P thay vợ chồng bà H nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của

pháp luật.

+ Bà Đinh Thị T trình bày: Tôi có ý kiến như ý kiến của chồng tôi. Bà P khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng tôi và vợ chồng ông Y, bà H, vợ chồng tôi không đồng ý vì việc chuyển nhượng giữa chúng tôi là hoàn toàn hợp pháp; việc bà P khởi kiện là hoàn toàn vô lý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

- Bà H trình bày: Tôi có vay của vợ chồng ông Lê Văn H1, bà Đinh Thị T số tiền 750.000.000 đồng vào tháng 01/2018, mục đích vay để làm ăn. Do tôi làm ăn thua lỗ nên chưa trả được nợ cho ông H1, bà T. Thông qua người quen vợ chồng tôi có viết giấy vay tiền của vợ chồng ông H1, bà T số tiền 2.500.000.000 đồng để lấy tiền trả vào Ngân hàng T, Chi nhánh Đắk Lắk, Phòng giao dịch B, xóa thế chấp, lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất rẫy của vợ chồng tôi để thế chấp cho ông H1, bà T. Đó là 02 quyền sử dụng đất số BP 499761, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 22/5/2014, thửa đất số 32, tờ bản đồ số 52, diện tích 41.335,3m²; tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Quyền sử dụng đất số BT 092840, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2015, thửa đất số 52, tờ bản đồ số 52, diện tích 7.605,1m²; tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Khi rút được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng thì vợ chồng tôi cùng với vợ chồng ông H1, bà T đi đến Văn phòng B làm thủ tục thế chấp. Tại Văn phòng công chứng tôi ký vào giấy thế chấp, sau đó đến chồng tôi ký. Tôi không đọc nội dung trong giấy thế chấp, mà cũng không được nghe đọc lại. Đồng thời trước đó, tôi có vay tiền của bà Nguyễn Thị P, tổng số tiền là 635.000.000 đồng, vay làm 02 lần, một lần 550.000.000 đồng, một lần 85.000.000 đồng. Khi vay số tiền 550.000.000 đồng, tôi có đưa bản gốc chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình cho bà P cầm và có ký Hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản là 02 quyền sử dụng đất trên; được công chứng tại Phòng công chứng số 3, tỉnh Đắk Lắk. Khi ký Hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản tại Phòng công chứng số 3 thì 02 quyền sử dụng đất trên, vợ chồng tôi đang thế chấp tại Ngân hàng T đội, Chi nhánh Đắk Lắk, Phòng giao dịch B, thực chất vợ chồng tôi không hề chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông H1, bà T mà chỉ thế chấp đất vay tiền của ông H1, bà T. Sau đó một thời gian bà P biết được việc sang nhượng đất trên nên ngăn chặn việc sang nhượng thì vợ chồng bà T đứng ra trả nợ cho bà P thay cho vợ chồng tôi nên bà P đồng ý và rút đơn ngăn chặn tại TAND huyện Krông Buk. Nay bà P khởi kiện yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng tôi và vợ chồng ông H1, bà T đối với 02 quyền sử dụng đất trên thì tôi đề nghị Tòa án huỷ vì vợ chồng tôi không có ý định chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông H1, bà T mà chỉ thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền.

+ Ông Y trình bày: Tôi chỉ biết việc vợ tôi vay tiền của bà Nguyễn Thị P còn việc ký giấy tờ như thế nào, ở đâu thì vợ tôi nói tôi đi ký thì tôi ký chứ tôi không biết chữ, biết đọc biết phổ thông. Tôi không biết việc vợ tôi vay tiền của vợ chồng ông Lê Văn H1, bà Đinh Thị T và tôi không chuyển nhượng đất với vợ chồng ông H1, bà T. Nay bà P khởi kiện tôi đồng ý huỷ vì vợ chồng tôi không chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông H1, bà T.

- Ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị H trình bày: Vào ngày 06/9/2018 vợ chồng ông D, bà H có cho vợ chồng ông Lê Văn H1, bà Đinh Thị T vay số tiền 3.000.000.000đồng(ba tỷ), để đảm bảo số tiền vay vợ chồng ông Lê Văn H1, bà Đinh Thị T có thể chấp tài sản là 02 thửa đất rẫy thể hiện tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 52, diện tích 41.335,3m²; tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 499761, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 22/5/2014, và thửa đất số 52, tờ bản đồ số 52, diện tích 7605,1m²; tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 092840, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2015, đã được chỉnh lý sang tên vợ chồng ông H1, bà T, và hai bên đã làm thủ tục đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký đất đai huyện K. Nay bà P khởi kiện vợ chồng tôi không chấp nhận, đồng thời vợ chồng ông H1, bà T trả tiền cho vợ chồng tôi theo thoả thuận thì vợ chồng tôi trả lại tài sản thế chấp còn ngược lại không trả được nợ thì vợ chồng tôi sẽ lấy tài sản thế chấp để cân trừ nợ, hiện nay tài sản thế chấp vợ chồng ông H1, bà T đang quản lý, sử dụng.

*** Tại bản án số 17/2019/DS-ST ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ vào Khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; Điều 207; Điều 208; Điều 227 ; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 117; Điều 122, Điều 127 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 007750 ngày 24/7/2018 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 01/8/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết theo hướng chấp nhận đơn

khởi kiện của nguyên đơn tuyên hủy văn bản Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Y, bà H với vợ chồng ông Lê Văn H1, bà Đinh Thị T được ký kết vào ngày 24/7/2018.

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/7/2019 đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DSST ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P hủy Văn bản công chứng số 007750 ngày 24/7/2018 của Văn phòng B.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX P chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/7/2019 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ - Sửa bản án sơ thẩm số 17/2019/DSST ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hủy văn bản Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Y, bà H với vợ chồng ông Lê Văn H1, bà Đinh Thị T được ký kết vào ngày 24/7/2018.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/7/2019 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Ngày 18/6/2018, ông Y và bà H với ông Lê Văn H1 và bà Đinh Thị T có lập hợp đồng sang nhượng đất. Các bên không có một thỏa thuận nào về việc mua bán đất để xác định giá bán đất để làm cơ sở khấu trừ nợ. Vợ chồng ông Y chỉ thế chấp GCNQSDĐ vợ chồng ông H1 chứ không sang nhượng đất. Ngày 24/7/2018, khi thực hiện việc công chứng tại Văn phòng B, chứng minh nhân dân bản gốc của ông Y, bà H đang còn do bà P nắm giữ. Công chứng viên không yêu

cầu ông Y, bà H nộp bản gốc chứng minh nhân dân để đối chiếu là vi phạm trình tự thủ tục công chứng. Việc Công chứng viên không đối chiếu chứng minh nhân dân bản gốc của ông Y, bà H là có thiếu sót nhưng cũng không gây thiệt hại cho ông Y, bà H và bà Nguyễn Thị P. Vì những người này đã nhận tiền của vợ chồng ông H1, do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân thị xã Buôn Hồ không có căn cứ để chấp nhận.

[1.2] Nội dung kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ cho rằng tại thời điểm công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông Y là người dân tộc thiểu số, không biết đọc, không biết viết và nói tiếng phổ thông. Qua xem xét các chứng cứ thu thập lưu trong hồ sơ vụ án như: “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ngày 24/7/2018; “Biên bản lấy lời khai của các đương sự” ngày 19/11/2018; “Biên bản kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ” 26/12/2018; “Biên bản hòa giải” ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, ông Y đều ký “K” và viết chữ “Y”. Quá trình giải quyết vụ án, ông Y, bà H không khiếu nại gì về việc ông Y ký vào hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng ngày 24/7/2018. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ không có căn cứ để xem xét.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị P, bà P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy văn bản công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 007750 ngày 24/7/2018 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD, giữa vợ chồng ông Y, bà H với vợ chồng ông Lê Văn H1, bà Đinh Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng ông Y, bà H với vợ chồng ông Lê Văn H1, bà Đinh Thị T thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất có sự thỏa thuận thống nhất, việc tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Tại “Giấy nhận tiền trả nợ giữ Y và H” ngày 03/8/2018 bà P đã nhận của vợ chồng ông H1, bà T số tiền 592.000.000 đồng, bà P cam kết không khởi kiện nữa. Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó kháng cáo của bà Nguyễn Thị P không có căn cứ để xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Về án phí DSPT: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo bà Nguyễn Thị P.
- Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-

DS ngày 29/7/2019 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk

[2] Áp dụng Điều 207; Điều 208; Điều 227 ; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117; Điều 122, Điều 127 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 007750 ngày 24/7/2018 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng B.

[3]. Về án phí DSST: Buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị P đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005458 ngày 03/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Bà Nguyễn Thị P đã nộp đủ tiền án phí.

[4]. Về án phí DSPT:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà Nguyễn Thị P (ông Nguyễn Văn T2 nt) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2019/0000182 ngày 02/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS Thị xã B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Tùng

